

Số: 16/2025/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 181/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 156/BC-KTNS ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại Kỳ họp.

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ, đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là cơ quan, đơn vị) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối với chế độ công tác phí

Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ, đơn vị sự nghiệp công lập;

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khi tham gia hoạt động của Hội đồng nhân dân.

2. Đối với chế độ chi hội nghị

Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề; hội nghị tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác do các cơ quan hành chính nhà nước tổ chức được quy định tại Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chế độ hợp trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân và cuộc họp các Ban của Hội đồng nhân dân;

Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Các hội nghị chuyên môn, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ hoặc các hội nghị được tổ chức theo quy định trong điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ.

3. Riêng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc, hội nghị của các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định riêng của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Phụ lục I và II kèm theo.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Các Nghị quyết: Số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa

bàn thành phố Đà Nẵng; Số 20/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ hội nghị áp dụng với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Quảng Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 23 tháng 4 năm 2024 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Khoá X nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBMTTQVN, UBND các xã, phường, đặc khu thuộc thành phố;
- Báo và PT, TH Đà Nẵng, Trung tâm THVN (VTV8), Công thông tin điện tử thành phố, Công báo thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Dũng



Phụ lục I

MỨC CHI CÔNG TÁC PHÍ ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16 /2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
I	Thanh toán tiền chi phí đi lại			
1	Thanh toán tiền chi phí đi lại theo hóa đơn thực tế		Theo giá ghi trên vé, hóa đơn, chứng từ mua vé hợp pháp theo quy định của pháp luật.	Căn cứ quy định về tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác trong nước, căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, tính chất công việc của chuyên đi công tác và trong phạm vi nguồn kinh phí được giao, thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét duyệt thanh toán tiền phương tiện đi công tác bằng máy bay, tàu hoả, ô tô hoặc phương tiện công cộng hoặc các phương tiện khác bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.
2	Tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác trong nước đối với cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,25 nhưng không thuộc đối tượng mua vé hạng thương gia (Business class hoặc C class).		Trường hợp do yêu cầu công tác đột xuất nhưng không mua được các hạng vé phổ thông thì được mua vé máy bay hạng thương gia (Business class hoặc C class) và phải được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét quyết định phê duyệt đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.	
3	Thanh toán khoản kinh phí sử dụng ô tô khi đi công tác, khoản tiền tự túc phương tiện đi công tác			
-	Đối với các đối tượng được sử dụng xe ô tô để đi công tác theo quy định.		Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.	

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
-	Đối với trường hợp cán bộ, công chức không có tiêu chuẩn bố trí xe ô tô đi công tác		Được thanh toán khoản tiền tự túc phương tiện bảo đảm không vượt chế độ quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (đối với các đối tượng được sử dụng xe ô tô để đi công tác theo quy định)	Phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.
II	Phụ cấp lưu trú			
1	Đi công tác ngoài thành phố			
-	Phụ cấp lưu trú đi công tác	đồng/người/ngày	300.000	
-	Trường hợp đi công tác trong ngày (đi và về trong ngày)	đồng/người/ngày	Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, quyết định mức phụ cấp lưu trú theo các tiêu chí: Số giờ thực tế đi công tác trong ngày (bao gồm cả thời gian đi trên đường), quãng đường đi công tác	Phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.
-	Trường hợp đi công tác trên biển, đảo.	đồng/người/ngày	400.000	Trường hợp một số ngành đặc thù đã được cấp có thẩm quyền quy định về chế độ khi đi công tác trên biển, đảo thì được chọn chế độ quy định cao nhất (phụ cấp lưu trú hoặc chi bồi dưỡng) để chi trả cho người đi công tác".
2	Đi công tác trong thành phố			
-	Phụ cấp lưu trú đi công tác	đồng/người/ngày	200.000	
-	Trường hợp đi công tác trong ngày (đi và về trong ngày)	đồng/người/ngày	Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, quyết định mức phụ cấp lưu trú theo các tiêu chí: Số giờ thực tế đi công tác trong ngày (bao gồm cả thời gian đi trên đường), quãng đường đi công tác	Phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.
III	Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác			
1	Thanh toán theo hình thức khoán			
1.1	Đi công tác ngoài thành phố			
a	Cán bộ lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 1,25 trở lên , không phân biệt nơi đến công tác	đồng/ngày/người	1.600.000	
b	Cán bộ lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 0,8 đến 1,2			

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
-	Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương	đồng/ngày/người	800.000	
-	Đi công tác tại các tỉnh	đồng/ngày/người	600.000	
c	Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại			
-	Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương	đồng/ngày/người	600.000	
-	Đi công tác tại các tỉnh	đồng/ngày/người	500.000	
d	Trường hợp cán bộ đi công tác do phải hoàn thành công việc đến cuối ngày, hoặc do chỉ đăng ký được phương tiện đi lại từ 18h đến 24h cùng ngày, thì được thanh toán tiền nghỉ của nửa ngày nghỉ thêm	đồng/ngày/người	Mức chi bằng 50% mức khoán tiền thuê phòng nghỉ tương ứng.	
1.2	Đi công tác trong thành phố (không bao gồm trường hợp đi và về trong ngày; khoảng cách từ cơ quan công tác đến nơi công tác từ 30km trở lên)	đồng/ngày/người	400.000	Khoảng cách được xác định bằng chiều dài của lộ trình đường giao thông đường bộ ngắn nhất từ cơ quan công tác đến nơi công tác.
2	Thanh toán theo hóa đơn thực tế: Áp dụng đối với trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán tại khoản 1 mục III thì được thanh toán theo giá thuê phòng thực tế			Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật do thủ trưởng cơ quan, đơn vị duyệt.
2.1	Đi công tác ngoài thành phố			
a	Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương			
-	Cán bộ lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 1,25 đến 1,3	đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 01 người/phòng	2.000.000	
-	Cán bộ lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 0,8 đến 1,2	đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 01 người/phòng	1.200.000	
-	Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại	đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng	1.400.000	
b	Đi công tác tại các tỉnh			
-	Cán bộ lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 1,25 đến 1,30	đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 01 người/phòng	1.800.000	
-	Cán bộ lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 0,8 đến 1,2	đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 01 người/phòng	800.000	
-	Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại	đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng	1.100.000	

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
2.2	Đi công tác trong thành phố (không bao gồm trường hợp đi và về trong ngày; khoảng cách từ cơ quan công tác đến nơi công tác từ 30km trở lên)			Khoảng cách được xác định bằng chiều dài của lộ trình đường giao thông đường bộ ngắn nhất từ cơ quan công tác đến nơi công tác.
-	Cán bộ lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 1,25 đến 1,30	đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 01 người/phòng	1.800.000	
-	Cán bộ lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 0,8 đến 1,2	đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 01 người/phòng	800.000	
-	Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại	đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng	1.100.000	
2.3	Trường hợp người đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 02 người/phòng đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẻ người hoặc lẻ người khác giới, thì được		Được thuê phòng riêng theo mức giá thuê phòng thực tế nhưng tối đa không được vượt mức tiền thuê phòng của những người đi cùng đoàn (theo tiêu chuẩn 2 người/phòng)	
IV	Thanh toán khoản tiền công tác phí theo tháng			
1	Cán bộ xã, phường thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng.	đồng/tháng/người	700.000	Phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.
2	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng.	đồng/tháng/người	700.000	Phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.



Phụ lục II

MỨC CHI TỶ CHỨC CÁC CUỘC HỘI NGHỊ ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16 /2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
I	Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không hưởng lương từ ngân sách nhà nước			
1	Hội nghị do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp thành phố tổ chức	đồng/ngày/người	300.000	
2	Hội nghị do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp phường, xã tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức)	đồng/ngày/người	150.000	
II	Chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp	đồng/ngày/người	600.000	
III	Chi giải khát giữa giờ	đồng/1 buổi (nửa ngày)/ đại biểu	50.000	